

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 04/CBTT

V/v: Công bố thông tin BCTN

Đồng Nai, ngày 12 tháng 04 năm 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Lilama 45.4
2. Mã chứng khoán: L44
3. Địa chỉ trụ sở chính: Xa lộ Hà Nội – Bình Đa – Biên Hòa - Đồng Nai
4. Điện thoại: 0251.3838.188 Fax: 0251.3838008
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Phan Thị Thanh Thủy**
(Giấy ủy quyền số 41/CT-KTTC ký ngày 11/08/2017)
6. Nội dung thông tin công bố:
 - 6.1- Báo cáo thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Lilama 45.4
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn nội dung Báo cáo thường niên năm 2020...:
www.lilama454.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT
CÔNG TY
CỔ PHẦN
LILAMA 45.4
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI
Phan Thị Thanh Thủy



CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2020



Trụ sở chính

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Xa lộ Hà Nội, phường Bình Đa,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại

(0251) 3838188

Fax:

(0251) 3838008

Website:

<http://www.lilama454.com.vn/>

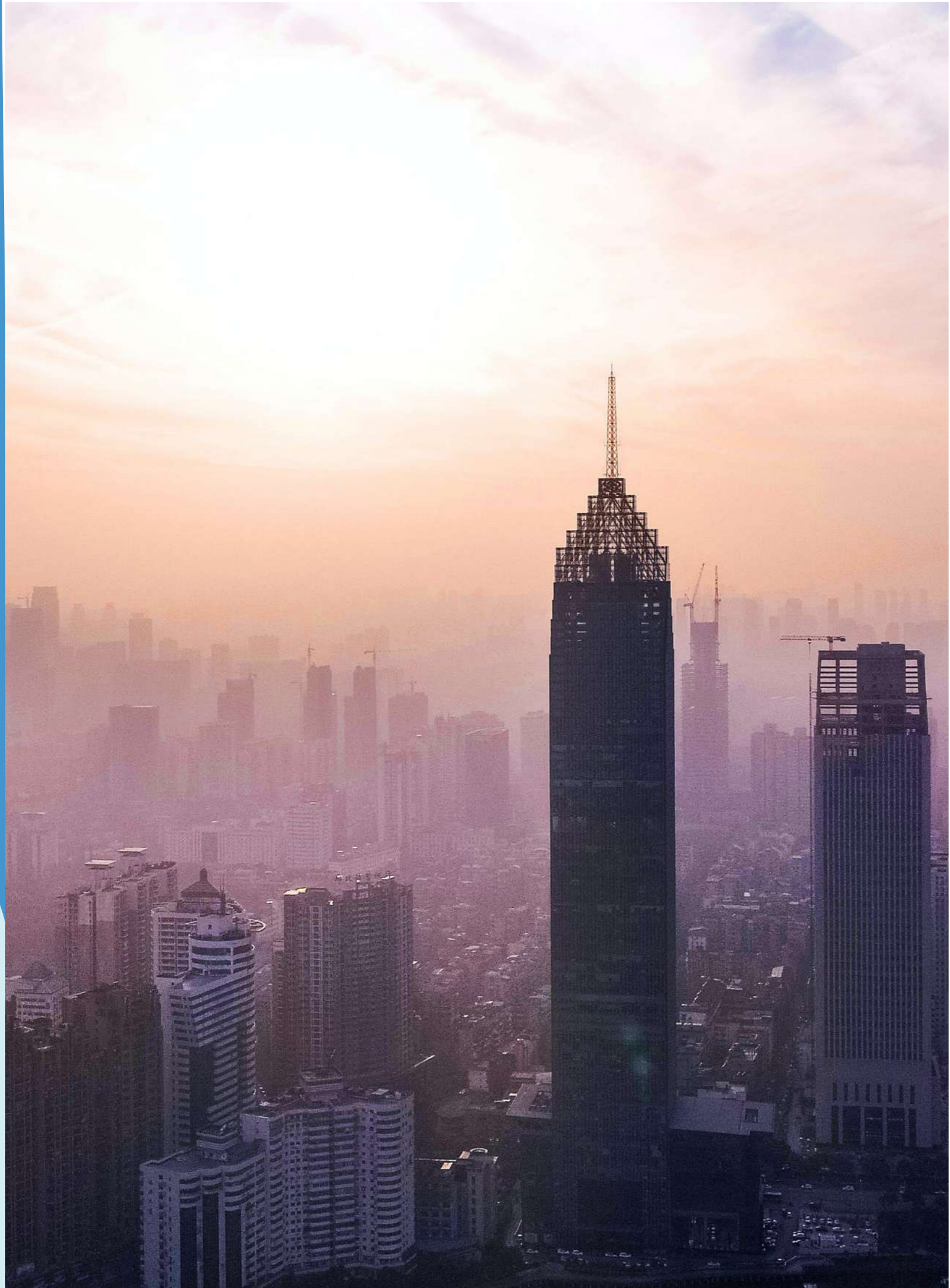
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
CP	Cổ phần
BKS	Ban kiểm soát
HĐQT	Hội đồng quản trị
VĐL	Vốn điều lệ
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
CBCNV	Cán bộ công nhân viên



MỤC LỤC

	PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG	7
	PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	19
	PHẦN III: BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	33
	PHẦN IV: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	39
	PHẦN V: BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY	43
	PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH	49



PHẦN I THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

**Quá trình hình thành
và phát triển**

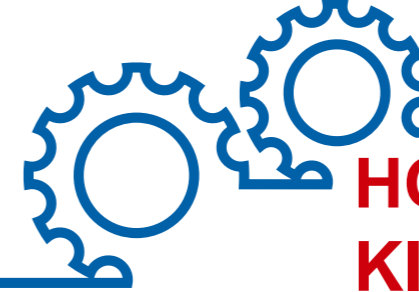
Các giải thưởng tiêu biểu

**Ngành nghề và địa bàn
kinh doanh**

Sơ đồ tổ chức

Định hướng phát triển

Các rủi ro



HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



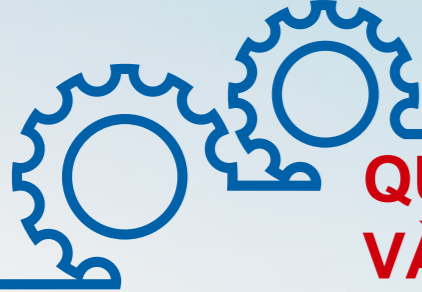
THÔNG TIN CHUNG

Tên Công ty
Tên viết tắt
Mã cổ phiếu
Vốn điều lệ
Trụ sở chính

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4
LILAMA 45.4 JSC
L44
40.000.000.000 đồng
Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Xa lộ Hà Nội, phường Bình
Đà, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
(0251) 3838188
(0251) 3838008
lilama454vnn@vnn.vn
<http://www.lilama454.com.vn/>
Công ty Cổ phần Lilama 45.4 là Công ty Cổ phần được
chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công
ty Lắp máy và Xây dựng 45.4 Công ty hoạt động theo Giấy
đăng ký kinh doanh số 3600255703 ngày 14/08/2006 và
đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 13/09/2017 do Sở Kế
hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Điện thoại
Fax
Email
Website
Giấy chứng nhận đăng ký doanh
nghiệp





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty được thành lập.

1979

2006

Vốn Điều lệ Công ty tăng lên 40 tỷ theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông ngày 17/5/2007 thông qua công ty phát hành.

Công ty đã sang hoạt động dưới mô hình là Công ty cổ định phần theo số 794/QĐ-BXD ngày 17/05/2006. Ban đầu tiền vốn là 11.200.000.000 đồng.

2007

2009

Ngày 21/12/2009, cổ phiếu Lilama 45.4 đã được giao dịch chính thức trên sàn chứng khoán HOSE với mã L44. Là một bước tiến mới trong việc đại chúng và quảng bá hơn nữa thương hiệu Lilama 45.4.

Mã CK: L44

Vốn điều lệ: 40.000.000.000 VNĐ

Tổng KL niêm yết: 4.000.000 CP

Tháng 8/2011, Ký kết hợp đồng với Công ty PTSC - Công ty Dịch vụ cổ phần Cơ khí Hàng Hải để triển khai dự án Biển Đông 1 trị giá 3 triệu USD.

Ký kết thành công dự án Điện gió Bạc Liêu trị giá 40 tỷ đồng với Công ty TNHH xây dựng Thương mại dịch vụ Công Lý.

2011

2012

Góp công lớn giúp Tổng công ty lắp máy Việt Nam đạt giải thưởng vàng duy nhất của Asian Power Awards 2012 về lĩnh vực "Dự án nhà máy được xây dựng nhanh nhất" cho dự án nhà máy điện Nhơn Trạch 2, công suất 750 MW, giá trị 700 triệu USD.

2012

2018

Là năm cuối cùng của việc thực hiện phương án tái cấu trúc doanh nghiệp, Công ty đã và đang triển khai thủ tục chuyển đổi đối với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) theo phương pháp đã được Đại hội đồng cổ định thông qua.

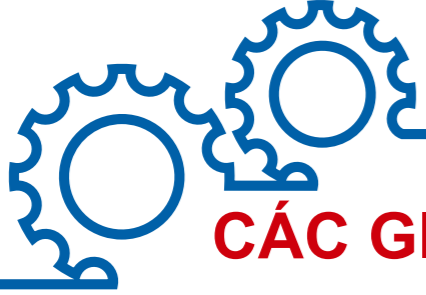
Do hoạt động tình hình vẫn còn gặp nhiều khó khăn do lỗ vốn đầu tư Công ty nên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đã quyết định hủy niêm yết và đưa cổ phiếu L44 giao dịch tại sàn UPCOM.

2019

2020

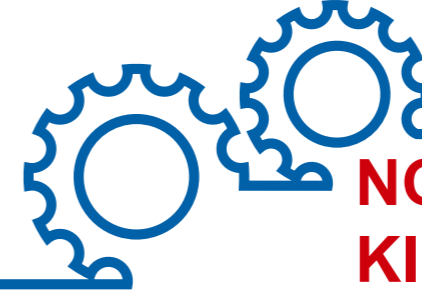
Công ty thực hiện quyết toán các công trình còn dang dở, tạo ra lợi nhuận nhằm tiếp tục ổn định hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

Với yêu cầu thực hiện thiết lập, năm qua Công ty tiến hành xây dựng phương án tái cấu trúc doanh nghiệp, tinh gọn máy, định hướng lại ngành hoạt động, tổ chức sản xuất mới phương thức, rà soát quy trình hoạt động, cơ cấu nhân sự, tăng hiệu quả quản lý công ty ... Đề án đặt ra lộ trình thực hiện đến năm 2020.



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Trong những năm qua Lilama 45.4 luôn tích cực hoạt động và gặt hái được một số thành công sau:



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Theo Giấy đăng kí kinh doanh, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chi tiết đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà);
- Bán buôn vật liệu xây dựng, hàng kim khí điện máy; Bán buôn thiết bị đơn lẻ, thiết bị đồng bộ, dây truyền công nghệ, thang máy, vật liệu điện, máy móc phụ tùng cơ khí;
- Bảo trì thang máy, lắp đặt thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực, thiết bị lò hơi trung cao áp, bồn bể chứa các loại dung dịch lỏng; lắp đặt hệ thống đường ống hạ áp, trung áp, cao áp;
- Chế tạo đường ống hạ áp, trung áp, cao áp;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Buôn bán sắt thép; Bán buôn phế liệu (trừ phế liệu độc hại, phế liệu nguy hại, phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường, chỉ hoạt

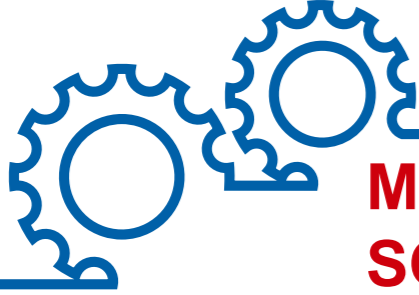
động khi cơ quan có thẩm quyền chấp nhận về địa điểm và đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật về môi trường);

- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Xây dựng lắp đặt đường dây tải điện, trạm biến áp cao thế, trung thế, hạ thế;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại (trừ xi mạ, không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp nhận về địa điểm và đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Xây nhà các loại;
- Gia công cơ khí (trừ xi mạ, không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp nhận về địa điểm và đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)./

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Đặc thù là hoạt động xây dựng nên địa bàn hoạt động của Lilama 45.4 sẽ mở rộng trên khắp cả nước tùy từng công trình và dự án do Công ty thực hiện trên khắp lãnh thổ Việt Nam.





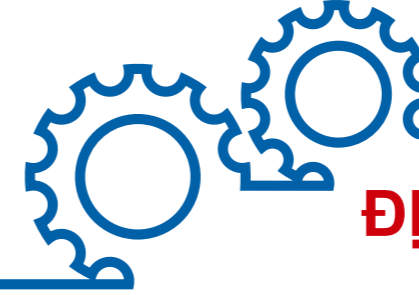
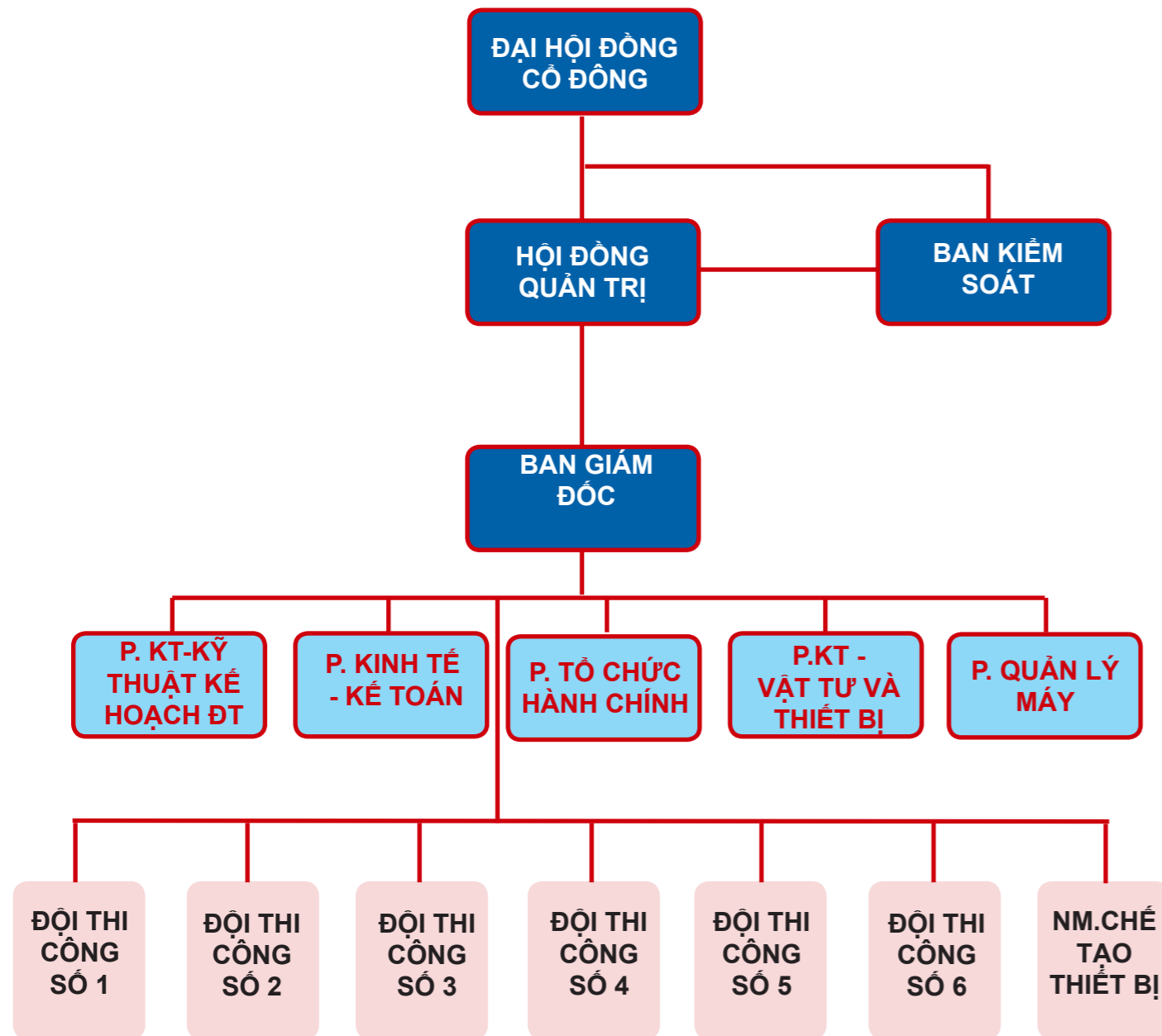
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Là Công ty Cổ phần, mô hình quản trị của Lilama 45.4 được thực hiện theo quy định của pháp luật với cơ cấu như sau:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Ban Tổng giám đốc

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

Đối với thị trường

Tiếp tục phát triển thị trường truyền thống kinh doanh các dịch vụ xây lắp, cung cấp sản phẩm cơ khí chế tạo và các thiết bị thay thế có liên quan với giá thành và chất lượng tốt nhất.

Đối với khách hàng

Cam kết thực hiện đúng như yêu cầu, thỏa thuận cũng như hoàn thành việc cung cấp dịch vụ đúng thời hạn. Luôn phấn đấu nâng cao giá trị kinh tế mang lại cho khách hàng.

Đối với người lao động

Đảm bảo người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ chính sách lương thưởng và chế độ phúc lợi cho người lao động. Công ty chủ động xây dựng môi trường thân thiện, chuyên nghiệp gắn kết các cá nhân cùng nhau đoàn kết góp phần xây dựng một tổ chức bền vững và phát triển mạnh mẽ hơn nữa.

Đối với xã hội và môi trường

Cùng nhau xây dựng một cộng đồng đẹp, giúp đỡ những người có hoàn cảnh không may mắn vượt qua những khó khăn, thực hiện các chương trình thiện nguyện đóng góp chút công sức trong công tác hỗ trợ và khuyến khích trẻ em thuộc diện khó khăn được đến trường. Hạn chế ảnh hưởng đến cộng đồng trong hoạt động kinh doanh qua sự hỗ trợ của chính quyền địa phương cũng như cộng đồng.

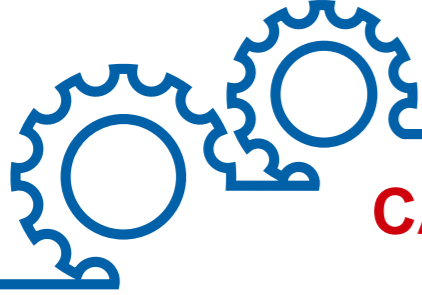
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Lilama 45.4 tiếp tục phát triển thế mạnh của mình trong hoạt động kinh doanh theo mảng xây lắp công nghiệp với ưu thế nguồn nhân lực dồi dào. Công ty đã tận dụng để phát triển thêm một số mảng dịch vụ khác như cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa các nhà máy, dây chuyền sản xuất đối với khu vực phía Nam.

Xác định mục tiêu hoạt động chính của doanh nghiệp là vấn đề trọng yếu giúp doanh nghiệp tập trung vốn, nguồn lực nhân sự cũng như cơ sở vật chất tạo ra chất lượng tối ưu cho sản phẩm. Nâng cao uy tín đối với các đối tác trong lĩnh vực như thủy điện, nhiệt điện và phong điện... đây cũng là khách hàng có những yêu cầu cao trong khâu kiểm định chất lượng công trình vì một sai sót trong khâu thi công có thể gây thiệt hại về người và vật chất.

Định hướng phát triển trong lâu dài, giúp doanh nghiệp có con đường đi hợp lý tạo dựng nền tảng phát triển vững chắc đối với ngành nghề là thế mạnh và khai thác tối đa nguồn lực thị trường, đảm bảo giá trị kinh tế đem lại cho Nhà nước và tạo công ăn việc làm cho người lao động.





CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Theo ghi nhận của Quỹ tiền tệ thế giới (IMF) GDP thế giới giảm 4,4% so với năm 2019, cho thấy được phần nào hậu quả mà Covid-19 gây ra đối với các nước trên thế giới. Hàng loạt các quốc gia ban hành chính sách hạn chế giao thương để kiểm soát tình hình dịch bệnh trong nước khiến cho hoạt động xuất nhập khẩu đình trệ, cũng vì thế Việt Nam đã chịu ảnh hưởng không nhỏ từ những khó khăn này.

Tuy nhiên, nhờ công tác phòng chống dịch bệnh hiệu quả của Chính phủ giúp GDP Việt

Nam tăng trưởng 2,91% so với năm 2019, nhờ đó các doanh nghiệp trong nước dần cải thiện tình hình hoạt động của mình. Theo đánh giá của IMF, các chính sách nới lỏng tiền tệ của các nước trên thế giới vẫn được tiếp tục duy trì nhằm giảm sự suy thoái và phục hồi nhanh nền kinh tế, dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2021 kỳ vọng đạt 5,2% so với năm 2020.

Mặc dù có nhiều dự báo khả quan trong tương lai, tuy nhiên Công ty đã chủ động theo dõi và cập nhật tình hình biến động trên thế giới để có phương án giảm thiểu rủi ro hiệu quả.

Rủi ro đặc thù ngành

Do đặc thù ngành nghề là thi công các công trình trong thời gian dài, lượng vốn tài trợ dài hạn lớn nên công ty cần có tiềm lực vững để hoàn thành công trình và nghiệm thu. Vì vậy thời gian quyết toán công trình kéo dài ảnh hưởng lớn đến các chỉ số thanh khoản của doanh nghiệp. Giá nguyên vật liệu cũng là yếu tố đáng chú ý trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, chúng góp phần quyết định lợi nhuận của doanh nghiệp gia tăng hay sụt giảm.

Rủi ro về công tác quản lý và an toàn lao động là một đặc thù trong ngành xây dựng mà Lilama 45.4 cần đặc biệt quan tâm. Công ty luôn tuân thủ các chính sách bảo hộ lao động và thường xuyên theo dõi tiến độ, chi phí, chất lượng an công trình để có các bước điều chỉnh kịp thời.

Rủi ro môi trường

Sự biến đổi khí hậu đang ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động thi công công trình của Công ty, các hoạt động tạo ra chất thải phải được hạn chế tối đa để không gây thêm tác động xấu cho môi trường. Nhằm thực hiện chính sách bảo vệ môi trường, Công ty luôn cơ cấu lại bộ máy thi công và thực hiện cải tiến các thiết bị cơ sở vật chất, nâng cấp hệ thống xử lý chất thải.

Trong năm Công ty luôn thực hiện các biện pháp nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường, tiết kiệm nguồn năng lượng cho tổ chức và cho cộng đồng.

Rủi ro pháp luật

Hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần và được chính thức giao dịch trên sàn UpCom năm 2009 vì vậy Công ty Cổ phần Lilama 45.4 chịu sự ảnh hưởng của Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán. Bất cứ thay đổi nào trong Luật này đều phải được theo dõi và thực hiện để tránh rủi ro không đáng có cho doanh nghiệp. Ngoài ra, trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình Công ty cần tuân thủ các bộ Luật, chính sách đối với người lao động cũng như công bố các quyết định công văn của doanh nghiệp trên cơ sở phù hợp với pháp luật quốc gia như Luật Kiểm toán, Bộ luật lao động, Luật Thuế...

Mặc dù hệ thống Luật pháp Việt Nam còn nhiều vấn đề bất cập và chưa thật sự hoàn chỉnh tuy nhiên doanh nghiệp đã có công tác theo dõi kiểm soát việc thực hiện luật pháp tại tổ chức hạn chế rủi ro này.

Rủi ro khác

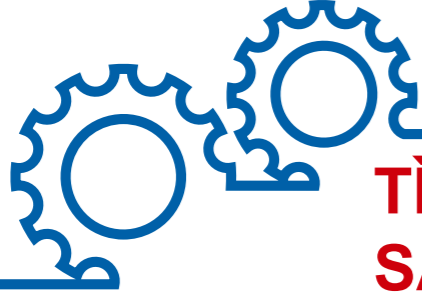
Ngoài những rủi ro có thể kiểm soát nhờ theo dõi thì những yếu tố khách quan bên ngoài như thiên tai, dịch bệnh cũng là những rủi ro gây tác động lớn đến quá trình hoàn thành các công trình và làm giảm tốc độ phát triển của ngành. Đây là rủi ro khó tránh khỏi nên Công ty luôn dự phòng các chính sách nhằm hạn chế tổn thất cho Công ty trong thời tiết khí hậu biến đổi thất thường,





PHẦN II TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
Tình hình tài chính
Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đvt: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	%2020/2019
1	Vốn điều lệ	40.000	40.000	100%
2	Doanh thu thuần	-1.747	0	-
3	Lợi nhuận sau thuế	-11.206	-10726	-
4	LNST/DTT	-	-	-
5	LNST/VĐL	-	-	-

Năm 2020 tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các tổ chức đang hoạt động trên thị trường nói chung và Lilama 45.4 nói riêng tụt dốc một cách trầm trọng, trong năm Công ty ngừng hoạt động nên L44 không mang về được doanh thu. Ngoài ra, việc kết chuyển chi phí dở dang của một số công trình kỳ trước (do xác định không đúng khối lượng dở dang cuối kỳ) vào kỳ này đang tiến hành thực hiện phương án tái cấu trúc chính của công ty và chi trả các chi phí khấu hao, chi phí quản lý khiến lợi nhuận của Công ty giảm.

Mặc dù vậy, Công ty vẫn duy trì được vốn điều lệ hiện có của doanh nghiệp đồng thời nỗ lực đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ về Thuế tuân thủ đúng quy định.

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Trong năm Công ty đang cố gắng hoạt động theo cơ cấu tổ chức cũ và thực hiện các chính sách nhằm hạn chế chi phí, tối đa hóa lợi nhuận góp phần bù đắp thua lỗ trong hoạt động kinh doanh những năm vừa qua.





Tình hình tài chính

Đvt: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
1	Tổng giá trị tài sản	127.248	116.550
2	Doanh thu thuần	-1.747	-
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-57.118	-7.920
4	Lợi nhuận khác	45.912	-2.806
5	Lợi nhuận trước thuế	-11.206	-10.726
6	Lợi nhuận sau thuế	-11.206	-10.726

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,51	0,47
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,15	0,1
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	189,17	206,56
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	-	-
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	0,42	0,01
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	-	-
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-	-
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	-	-
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	-	-
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-	-

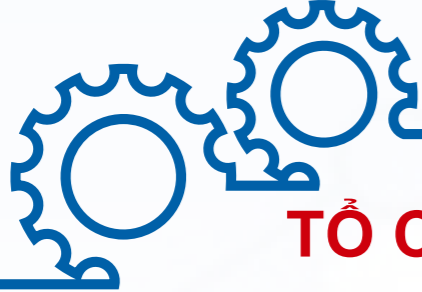
Nhìn chung hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh của Công ty trong năm 2020 giảm nhẹ lần lượt từ 0,51 lần xuống 0,47 lần và từ 0,15 xuống 0,1. Nguyên nhân chủ yếu do sự sụt giảm trong tài sản ngắn hạn giảm 9,09% so với cùng kì năm 2019, nhưng khoản nợ ngắn hạn lại tăng 0,012% do việc trì hoãn chi trả các khoản phí bảo hiểm cho người lao động. Bên cạnh đó, tình hình hàng tồn kho không thay đổi trong năm do chi phí sản xuất kinh doanh dở dang vẫn chưa được quyết toán từ năm 2019 đến hết năm 2020. Vì vậy, việc thay đổi trong hệ số thanh toán nhanh của Công ty năm 2020 so với năm 2019 hoàn toàn không phụ thuộc vào hàng tồn kho của doanh nghiệp.

Năm 2020, Công ty tiếp tục duy trì hoạt động của mình với các khoản nợ trong ngắn hạn. Tuy nhiên cơ cấu nguồn vốn của Công ty có sự thay đổi đáng kể với hệ số Nợ/ Tổng tài sản tăng mạnh từ 189,17% năm 2019 lên 206,56% năm 2020. Nguyên nhân là khoản nợ phải trả

của Công ty tăng 0,012% triệu đồng so với năm 2019, nhưng tổng tài sản trong năm giảm 9,09% do khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng giảm 35,86% so với năm 2019. Vốn chủ sở hữu của Công ty tiếp tục giảm do hoạt động kinh doanh trong năm gặp khó khăn. Cơ cấu vốn đã có sự thay đổi trong năm 2020, tỷ lệ nợ/ tổng tài sản tăng và vốn chủ sở hữu vẫn âm cho thấy năng lực đảm bảo nợ vay của Công ty vẫn còn thấp.

Đối mặt với tình hình dịch bệnh, L44 không đem lại được lợi nhuận cho mình do các hợp đồng đã thực hiện và quyết toán xong thì thu hồi vốn chậm (Nhà máy điện gió Bạc Liêu, Nhà máy nước Thủ Đức), một số công trình đã thực hiện xong đang tiến hành quyết toán (Nhiệt điện Vĩnh Tân 4), công việc này mất nhiều thời gian và phụ thuộc vào chủ đầu tư. Triển vọng trong tương lai, công ty đang nỗ lực hoàn tất các công trình còn dang dở tạo nguồn thu cho Công ty và thanh toán các khoản nợ.





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Văn Quang	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm 01/08/2020)
2	Ông Phan Cao Viên	Thành viên
3	Ông Nguyễn Văn Việt	Thành viên
4	Ông Vũ Thế Phương	Thành viên

Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Phan Cao Viên	Tổng Giám đốc
2	Ông Hoàng Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc
3	Bà Phan Thị Thanh Thủy	Kế toán trưởng

ÔNG PHAN CAO VIÊN - TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh 01/09/1970
Nơi sinh Phú Xuyên – Hà Nội
Trình độ chuyên môn Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác
05/1996 – 11/2009 Công tác tại Công ty CP Lilama 45.3
12/2009 – 03/2015 Công tác tại Công ty CP Lilama 45.1
04/2015 - nay Công tác tại Công ty CP Lilama 45.4

ÔNG HOÀNG VĂN HÀ - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh 17/09/1972
Nơi sinh Nghệ An
Trình độ chuyên môn Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
Quá trình công tác
1999 – 2002 Trưởng ban chỉ huy của Lilama 45.4
2002 – 2005 Giám đốc Nhà máy Chế tạo Cơ khí 45.4
2005 – 2008 Giám đốc Xí nghiệp lắp máy số 1 Công ty CP Lilama 45.4 – Dự án thủy điện sông Ba Hạ
2008 - nay Phó Tổng giám đốc Công ty CP Lilama 45.4 kiêm Giám đốc Xí nghiệp lắp máy số 1 Công ty CP Lilama 45.4 dự án thủy điện sông Ba Hạ

BÀ PHAN THỊ THANH THỦY - KẾ TOÁN TRƯỞNG

Năm sinh 08/04/1964
Nơi sinh Hà Tĩnh
Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác
1988 – 1992 Kế toán – XN Liên hợp lắp máy 45 – Trĩ An – Đồng Nai
1993 – 02/2002 Kế toán – Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.4
03/2002 – 07/2016 Phó phòng Kế toán - Công ty CP Lilama 45.4
08/2016 - nay Kế toán trưởng tại Công ty CP Lilama 45.4
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 30.000CP – 0,75% VDL

Danh sách Thành viên Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Văn Ngọc	Trưởng ban
2	Ông Lê Minh Thiện	Thành viên

Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BTGD năm 2020

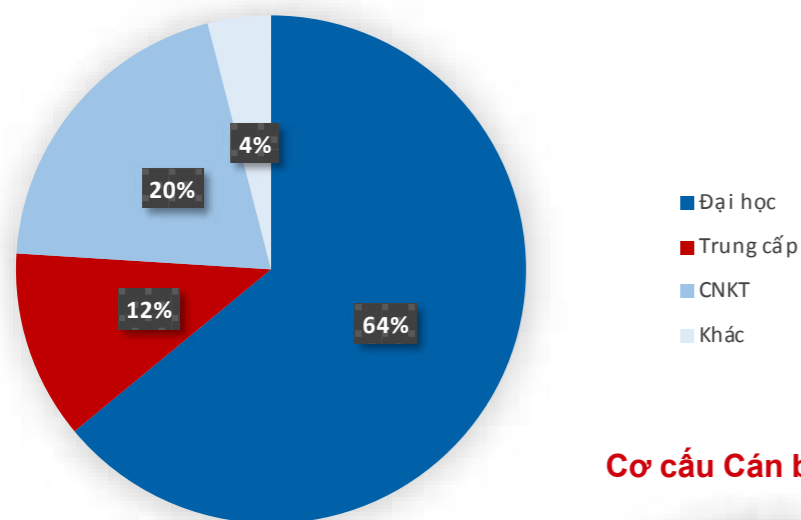
STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Văn Quang	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm 01/08/2020)
2	Ông Phan Cao Viên	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm 01/08/2020)
3	Ông Phan Cao Viên	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm 01/08/2020)



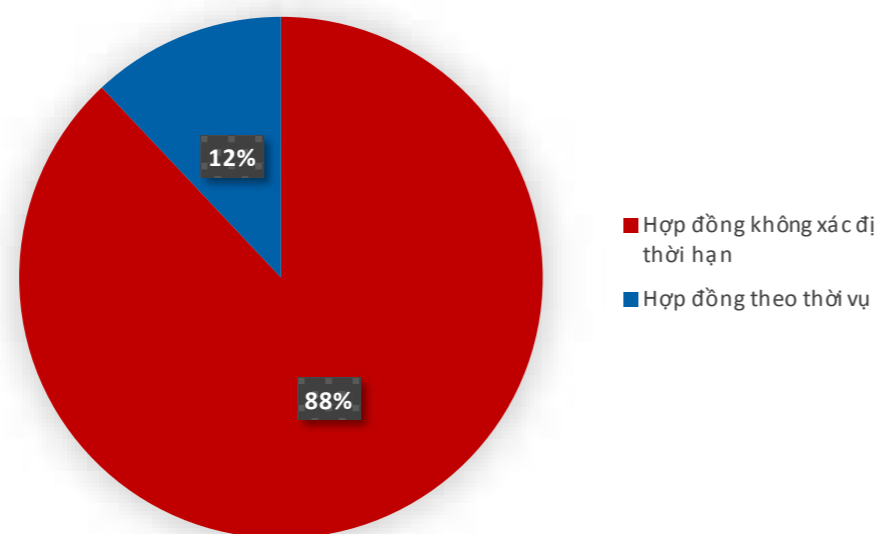
Số lượng Cán bộ, công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ	25	100
1	Đại học	16	64
2	Trung cấp	3	12
3	CNKT	5	20
4	Khác	1	4
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	25	100
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	22	88
2	Hợp đồng theo thời vụ	3	12

Cơ cấu Cán bộ theo trình độ



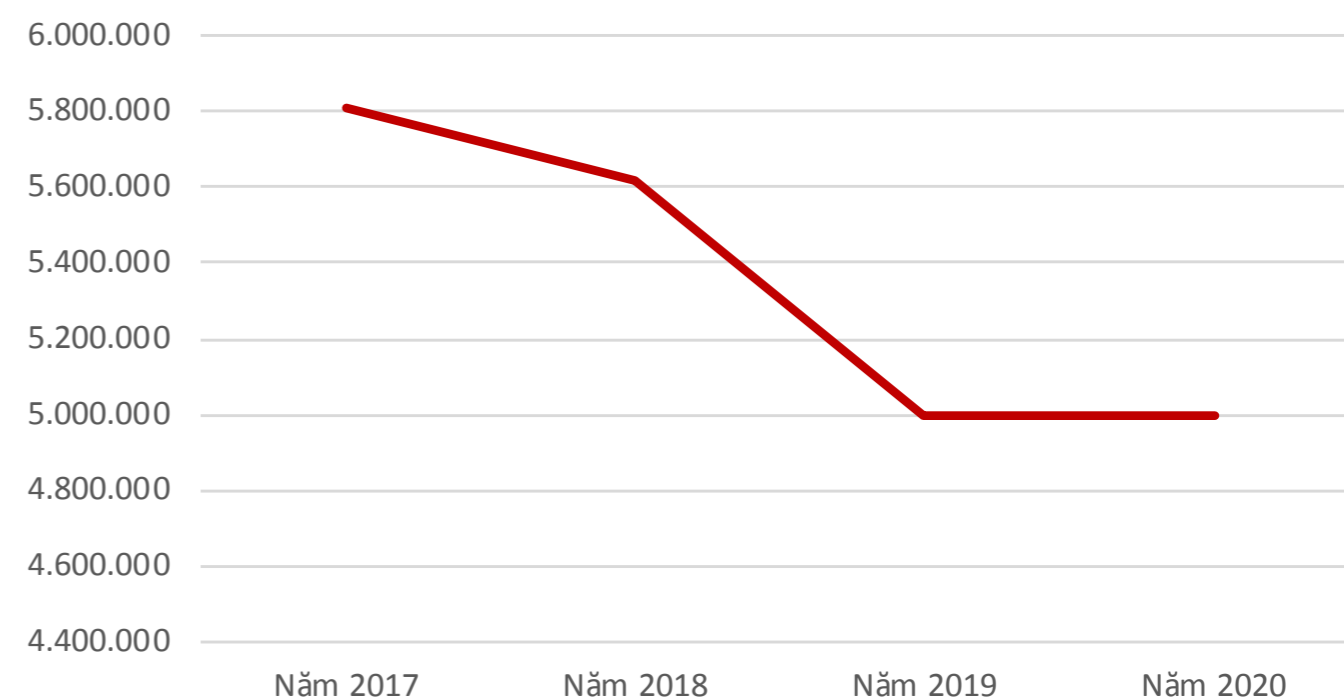
Cơ cấu Cán bộ theo tính chất hợp đồng



Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	5.808.000	5.617.000	5.000.000	5.000.000

Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)



CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Về đào tạo

Công ty tiến hành thiết kế chương trình đào tạo phù hợp với mọi trình độ trong tổ chức nhằm cung cấp tri thức và kỹ năng mềm cho các cá nhân, tạo điều kiện cho mọi người thể hiện bản thân đóng góp ý kiến cũng như phát triển tổ chức.

Công ty Chủ trương đào tạo các cá nhân trong hoạt động vận hành và thi công các thiết bị khoa học kỹ thuật tân tiến, tập huấn an toàn lao động đồng thời thực hiện bảo hộ lao động theo quy định của Nhà nước.



Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Đảm bảo người lao động được hưởng chính sách lương, thưởng theo đúng quy định của nhà nước;

Thực hiện đầy đủ chính sách phúc lợi như BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động. Ngoài ra, Công ty luôn có ưu đãi đặc biệt đối với cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động cũng như đưa ra sáng kiến tối ưu trong công cuộc giải quyết các vấn đề khó khăn của Công ty.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN

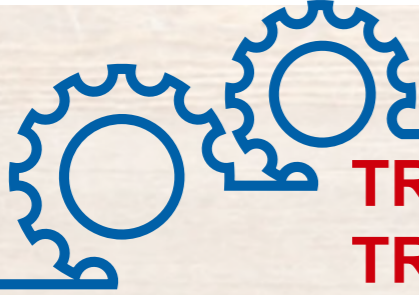
Trong năm qua, Công ty đang cố gắng hoạt động theo cơ cấu tổ chức cũ và thực hiện các chính sách nhằm hạn chế chi phí, tối đa hóa lợi nhuận góp phần bù đắp thua lỗ trong hoạt động kinh doanh những năm vừa qua.

Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành:	4.000.000 cổ phiếu
• Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	3.980.000 cổ phiếu
• Số lượng cổ phiếu quỹ:	20.000 cổ phiếu
Loại cổ phần:	cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá cổ phần:	10.000 đồng

Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông Nhà nước	-	-	-
II	Cổ đông nội bộ	102.208	1.022.080.000	2,56
II	Cổ đông trong nước	3.878.192	38.781.920.000	96,95
1	Cá nhân	2.452.830	24.528.300.000	61,32
2	Tổ chức	1.425.362	14.253.620.000	35,63
III	Cổ đông nước ngoài	19.600	196.000.000	0,49
1	Cá nhân	19.600	196.000.000	0,49
2	Tổ chức	-	-	-
IV	Cổ phiếu quỹ	20.000	200.000.000	0,5
	Tổng cộng	4.000.000	40.000.000.000	100



TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

Tiêu thụ năng lượng và nước

Năng lượng và nước là 2 yếu tố không thể thiếu trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, nhận thức được điều này doanh nghiệp luôn có chính sách sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng song hành với hoạt động tối ưu hóa nguyên vật liệu. Đồng thời thực hiện tuyên truyền cho CBCNV thực hiện tiết kiệm điện, nước mọi lúc mọi nơi tránh gây lãng phí nguồn tài nguyên của doanh nghiệp nói riêng và của quốc gia nói chung.



Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Luôn tuân thủ nghiêm ngặt luật bảo vệ môi trường, nâng cấp hệ thống xử lý phế phẩm và tái sử dụng chúng một cách hợp lý. Hạn chế hoạt động thải ra chất thải khí tác động đến bầu khí quyển.



Chính sách liên quan đến người lao động

Mặc dù doanh nghiệp đang phải đối mặt với những khó khăn về hoạt động kinh doanh, tuy nhiên doanh nghiệp vẫn luôn đặc biệt có chính sách quan tâm, thúc đẩy năng suất của người lao động vì đây là cốt lõi của doanh nghiệp. Điều này, tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển ổn định và bền vững hơn, đồng thời luôn tôn trọng sự đóng góp của các cá nhân trong công cuộc xây dựng tổ chức và cam kết thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Cộng đồng là nền tảng để doanh nghiệp ổn định phát triển, bởi thế trong mỗi chính sách của tổ chức đều đặc biệt quan tâm giúp đỡ hỗ trợ cộng đồng giúp cho những cá nhân trong tổ chức cũng như trong xã hội có cuộc sống ổn định và tốt hơn, vượt qua những khó khăn trước mắt cùng nhau bước đến tương lai tươi mới phía trước.



PHẦN III

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

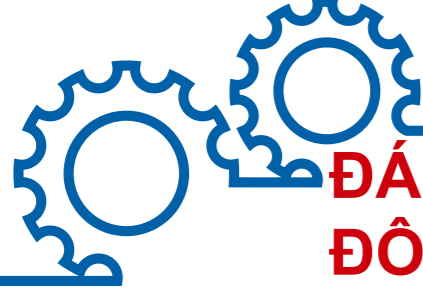
Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh

THUẬN LỢI

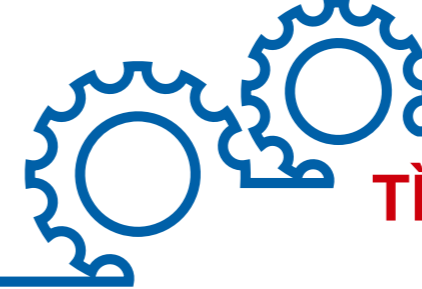
Nhờ hoạt động kiểm soát dịch bệnh tốt, Việt Nam trở thành “điểm sáng” trên thị trường quốc tế, đưa Việt Nam trở thành quốc gia có môi trường đầu tư ổn định dành cho những nhà đầu tư đang tìm kiếm nơi phát triển sản xuất kinh doanh, điều này cũng khiến hoạt động xây dựng trở nên mạnh mẽ hơn. Nhằm kích cầu đầu tư xã hội, duy trì đà tăng trưởng của nền kinh tế sau dịch, Chính phủ đẩy mạnh hoạt động đầu tư công, triển khai hàng loạt các dự án hạ tầng trọng điểm quốc gia, các hệ thống công nghiệp quy mô lớn như hệ thống giao thông vận tải, hệ thống thủy lợi... tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong ngành xây dựng cũng như Công ty cổ phần Lilama 45.4 vực dậy tình hình kinh doanh của tổ chức.

KHÓ KHĂN

Đối mặt với tình hình dịch bệnh, nhu cầu tiêu dùng của người dân tập trung chủ yếu vào nhu yếu phẩm. Đặc biệt, hoạt động đầu tư giảm mạnh gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Đặc thù ngành là hoạt động thi công các công trình trong thời gian dài, vì vậy Công ty cần có nguồn vốn vững mạnh trong dài hạn để duy trì các chi phí nhân công, chi phí vận hành máy móc thiết bị ...Tuy nhiên, quá trình nghiệm thu và quyết toán bàn giao công trình gặp khó khăn do chủ thầu trì hoãn việc thanh toán. Điều này khiến cho doanh nghiệp trong ngành xây dựng nói chung và Công ty cổ phần Lilama 45.4 nói riêng gặp khó khăn trong việc xoay chuyển vốn cho các hoạt động khác trong tổ chức. Bởi thế khi các công trình đã hoàn thành mà không được quyết toán làm cho toàn bộ tài chính Công ty tê liệt, các thông số trên báo cáo tài chính cũng bị âm gây ảnh hưởng xấu đến cái nhìn của các nhà đầu tư khi muốn lựa chọn nhà thầu chính.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020

Tổng doanh thu thuần đạt được	0 đồng
Tổng lợi nhuận sau thuế	-10.726.288.504 đồng

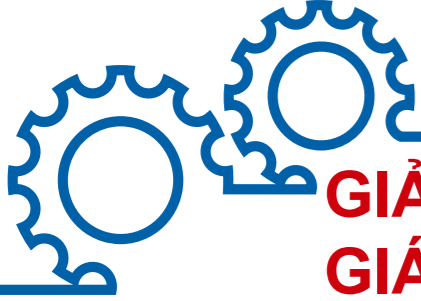


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	2020/ 2019(%)
Tài sản ngắn hạn	123.212	112.946	91,67
Tài sản dài hạn	4.036	3.604	89,3
Tổng tài sản	127.248	116.550	91,59
Nợ phải trả	240.713	240.741	1
Nợ ngắn hạn	240.713	240.741	100
Vốn chủ sở hữu	-113.465	-124.191	-
Tổng nguồn vốn	127.248	116.550	-

Cơ cấu tổng tài sản giảm 8,41% so với năm 2019, nguyên nhân chủ yếu do khoản tài sản ngắn hạn giảm 8,33% so với năm 2019 (giảm 10.266 triệu đồng) với khoản phải thu khách hàng giảm từ 33.042 triệu đồng năm 2019 xuống 22.474 triệu đồng năm 2020. Ngoài ra, tài sản dài hạn trong năm cũng giảm từ 4.036 triệu đồng xuống 3.604 triệu đồng do khấu hao từ máy móc thiết bị của Công ty. Trong năm công ty không vay dài hạn nên khoản nợ phải trả là nợ ngắn hạn, chỉ tiêu này tăng không đáng kể chủ yếu là nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tiếp tục âm do hoạt động sản xuất kinh doanh không đem lại lợi nhuận cho Công ty. Như vậy tình hình nguồn vốn và tài sản của Công ty thể hiện năng lực đảm bảo trả nợ vay của Công ty còn thấp.





GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Từ năm 2016 đến nay tài chính của Công ty gặp rất nhiều khó khăn. Kết quả Công ty thua lỗ kéo dài do các nguyên nhân:

- Các hợp đồng đã thực hiện và quyết toán xong thì thu hồi vốn chậm (như Nhà máy Điện gió Bạc Liêu,...)
- Một số công trình đã thực hiện xong đang tiến hành quyết toán, công việc mất nhiều thời gian và phụ thuộc vào Chủ đầu tư/ Nhà thầu chính, Nhà máy nước Thủ Đức, Nhiệt điện Vĩnh Tân 4...
- Kết chuyển chi phí dở dang của một số công trình trong kỳ trước (do xác định không đúng khối lượng dở dang cuối kỳ) vào kỳ này để xử lý và tiến hành thực hiện phương án tái cấu trúc tài chính của Công ty.
- Năm 2020 Tài chính của Công ty gặp nhiều gặp khó khăn trong việc thu xếp nguồn vốn phục vụ cho sản xuất, ảnh hưởng đến công tác tìm kiếm việc làm. Công ty tạm ngưng SXKD và đang thực hiện phương án tái cấu trúc tài chính đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua để khắc phục khó khăn và ổn định sản xuất.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Thực hiện phương án tái cấu trúc tài chính;

Tiếp tục đầu tư đẩy mạnh công tác thu hồi vốn đối với các công trình đã quyết toán như Điện gió Bạc Liêu, nhà máy nước Thủ Đức...

Cân đối tài chính để thực hiện việc trả lương cho CBCNV, nộp các khoản thuế và BHXH kịp thời;

Rà soát lại tình hình công nợ để có lộ trình thu hồi các khoản nợ tồn đọng, hạn chế chi trả chi phí lãi vay trong năm. Công ty vẫn hoạt động với cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý như đã đề ra.



Kế hoạch phát triển trong tương lai

Dự kiến trong năm 2021, Công ty triển khai cơ cấu lại tổ chức nhằm giúp Công ty vượt qua khó khăn trước mắt với một số nhóm biện pháp sau:

Phát triển thị trường:

Chủ động tìm kiếm đơn hàng trong nước và duy trì tốt mối quan hệ đối với những khách hàng cũ.

Mở rộng thị phần hoạt động trong nước, tìm nguồn nguyên liệu nhập khẩu với chất lượng tốt và giá cả phải chăng.

Tăng doanh thu, giảm chi phí:

Phân bố thị trường hợp lý nhằm khai thác tối đa tiềm năng của thị trường.

Nâng cao chất lượng hoạt động, có chính sách thúc đẩy năng suất hoạt động đối với người lao

động.

Tăng cường kiểm soát nguồn nguyên vật liệu đầu vào đồng thời có biện pháp hạn chế chi phát sinh không cần thiết.

Tối thiểu hóa các chi phí hoạt động phát sinh lớn hàng năm như chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí sửa chữa máy móc thiết bị, chi phí nhiên liệu...

Có kế hoạch thanh toán các khoản nợ nhằm hạn chế chi phí lãi vay của Công ty.

Tài chính:

Công ty tiếp tục chào bán cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi một phần nợ cho Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam (DATC) nhằm giảm gánh nặng tài chính đối với hoạt động của Công ty.

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty thực hiện tốt các quy định về Luật bảo vệ môi trường, hạn chế chất thải ra môi trường bên ngoài. Tiến hành nâng cấp hệ thống xử lý phế thải trong hoạt động kinh doanh và thực hiện tái chế, nhằm tận dụng nguồn nguyên liệu còn sử dụng được và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn quan tâm đến đời sống cộng đồng, thực hiện gây quỹ giúp đỡ những gia đình gặp khó khăn trong tổ chức, gây quỹ khuyến học giúp mọi trẻ em tại địa phương đều được đến trường.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

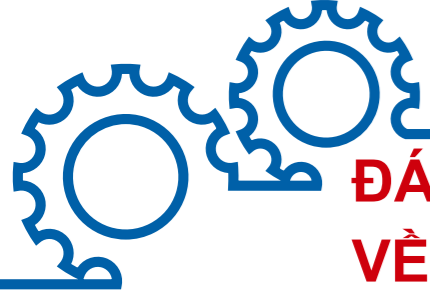
Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình đối với người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động, thực hiện đầy đủ các chính sách phúc lợi như BHYT, BHTN, BHXH... và chính sách lương thưởng phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp





PHẦN IV BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

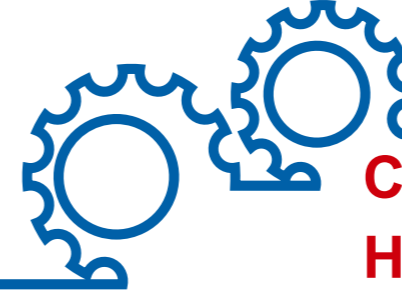
**Đánh giá của Hội đồng quản trị
về hoạt động của Ban Tổng Giám
đốc Công ty
Các kế hoạch, định hướng của
Hội đồng quản trị**



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, do tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp cùng với những khó khăn trong hoạt động của mình trong những năm trước Công ty tạm dừng hoạt động để tái cơ cấu. Cùng vì thế dòng tiền phát sinh trong năm từ bán hàng và cung cấp dịch vụ và doanh thu khác với giá trị 10.419.141.803 triệu đồng đã được ghi nhận từ trước khiến cho doanh thu năm 2020 của Công ty cổ phần Lilama 45.4 không có phát sinh. Công tác phục hồi khả năng hoạt động của mình là một bài toán khó đối với các nhà lãnh đạo và việc này

cần được Hội đồng quản trị và Ban điều hành bàn bạc thảo luận đưa ra giải pháp tốt nhất để đưa Công ty thoát khỏi khó khăn trước mắt. Công ty đang trong quá trình đẩy nhanh tiến độ thu hồi vốn và quyết toán các hợp đồng còn dang dở đối với các hợp đồng như Nhà máy Điện Bạc Liêu, nhà máy nước Thủ Đức... Trong năm Công ty không có phát sinh thanh lý bán tài sản, tuy nhiên giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay trị giá 536 triệu đồng góp phần đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ của Công ty.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong tương lai doanh nghiệp sẽ có những bước tiến nhằm ổn định lại hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

Hồi thúc quyết toán các công trình hoàn thành và đang trong quá trình nghiệm thu, tạo nguồn thu cho doanh nghiệp thực hiện trang trải chi phí nhân công, chi phí cố định của doanh nghiệp và tiếp tục đầu tư hoạt động kinh doanh

Thực hiện đúng, đủ các chỉ thị của Tổng công ty Lắp máy Lilama để kịp thời nắm bắt cơ hội phục hồi hoạt động.

Ban điều hành phải cố gắng theo dõi bám sát các diễn biến thị trường để nhanh chóng đưa ra các kế hoạch hành động đem lại hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Sử dụng lao động hợp lý, cải thiện điều kiện làm việc để tăng năng suất lao động.





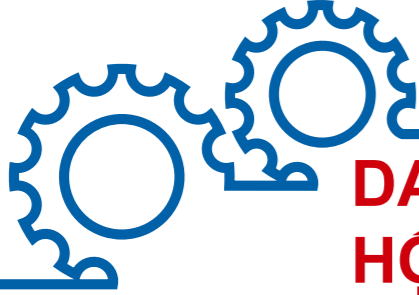
PHẦN V BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.



DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Văn Quang	Chủ tịch	0	0%
2	Ông Vũ Thế Phương	Thành viên	6.080	0,15%
3	Ông Nguyễn Văn Việt	Thành viên	65.600	1,64%
4	Ông Phan Cao Viên	Thành viên	0	0%

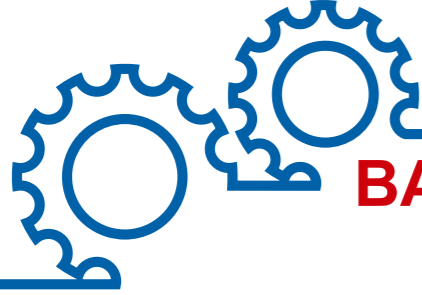
Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Nguyễn Văn Quang	Chủ tịch	2/2	100%
2	Ông Vũ Thế Phương	Thành viên	2/3	66,60%
3	Ông Vũ Văn Việt	Thành viên	3/3	100%
4	Ông Phan Cao Viên	Thành viên	3/3	100%



Trong năm, HĐQT đã đưa ra các quyết định, nghị quyết:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-ĐHDCĐ	29/04/2020	<p>Thông qua dự kiến thực hiện các công việc sau:</p> <p>Công ty CP Lilama 45.4 kết hợp cùng với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) giải quyết dứt điểm khoản nợ vay và hoàn thiện hồ sơ thực hiện phương án tái cấu trúc tài chính Công ty nước ngoài ngày 30/06/2020.</p> <p>Thu hồi công nợ (Nợ phải thu của khách hàng, Nợ phải thu nội bộ ...)</p> <p>Thanh lý nhượng bán một số tài sản còn lại trong NMCK.</p> <p>Thông báo cho thuê Văn phòng Công ty</p> <p>Kế hoạch giải quyết chế độ cho người lao động (BHXH).</p> <p>Thông qua kế hoạch chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 (Thời gian, địa điểm, tài liệu...).</p>
2		19/08/2020	<p>Biểu quyết thông qua ông Phan Cao Viên/ Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Lilama 45.4 thôi giữ chức danh Chủ tịch HĐQT và tiếp tục giữ chức Thành viên HĐQT kiêm giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty CP Lilama 45.4 kể từ ngày 01/08/2020.</p> <p>Biểu quyết thông qua bầu ông Nguyễn Văn Quang/ Thành viên HĐQT giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Lilama 45.4 (kiêm nhiệm) kể từ ngày 01/08/2020.</p> <p>Ông Phan Cao Viên có trách nhiệm bàn giao nhiệm vụ Chủ tịch HĐQT, hồ sơ tài liệu và các thủ tục có liên quan cho Ông Nguyễn Văn Quang theo quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>HĐQT thống nhất giao Ban điều hành rà soát, nghiên cứu xây dựng kế hoạch SXKD Quý IV/2020 và Quý tiền lương năm 2020 báo cáo HĐQT trước ngày 01/09/2020.</p>



BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Văn Ngọc	Trưởng ban	0	0%
2	Ông Lê Minh Thiện	Thành viên	0	0%

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham gia
1	Ông Nguyễn Văn Ngọc	2/2	100%
2	Ông Lê Minh Thiện	2/2	100%

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

Năm 2020, Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm tra mọi hoạt động SXKD, quản trị điều hành của Công ty theo quy định. Ban kiểm soát Công ty đã tham gia một số phiên họp HĐQT, đóng góp ý kiến theo đúng chức năng và quyền hạn của Ban kiểm soát.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty đã phối hợp và tạo điều kiện cho Ban kiểm soát hoạt động. Tuy nhiên trong năm 2020 Công ty gần như không hoạt động nên công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát vẫn còn một số hạn chế nhất định.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT.

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Lương	Thưởng
I	Hội đồng quản trị		-	163.692.000	-
1	Ông Nguyễn Văn Quang	Chủ tịch HĐQT	-	44.505.000	-
2	Ông Vũ Thế Phương	Thành viên	-	-	-
3	Ông Nguyễn Văn Việt	Thành viên	-	74.682.000	-
4	Ông Phan Cao Viên	Thành viên	-	44.505.000	-
II	Ban kiểm soát		-	163.272.000	-
1	Ông Nguyễn Văn Ngọc	Trưởng BKS	-	84.660.000	-
2	Ông Lê Minh Thiện	Thành viên	-	78.612.000	-
III	Ban điều hành		-	262.680.000	-
1	Ông Phan Cao Viên	Tổng Giám đốc	-	89.010.000	-
2	Ông Hoàng Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	-	89.010.000	-
3	Bà Phan Thị Thanh Thủy	Kế toán trưởng	-	84.660.000	-
Tổng cộng			-	589.644.000	-



PHẦN VI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Ý kiến kiểm toán
Báo cáo tài chính được
kiểm toán**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lilama 45.4 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Lilama 45.4 là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.4. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 3600255703 ngày 14/08/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 13/09/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Xa lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 là 40.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 4.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

	Số cổ phần	Số tiền tương ứng	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Vốn góp của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP	1.402.346	14.023.460.000	35,06%
Vốn góp của cổ đông khác	2.597.654	25.976.540.000	64,94%
	4.000.000	40.000.000.000	100,00 %

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH TRONG KỲ

Ngày 04/10/2018 Cục thuế tỉnh Đồng Nai đã ra Quyết định số 1631/QĐ-CT về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng đối với Công ty Cổ phần Lilama 45.4. Đến thời điểm hiện tại thì việc cưỡng chế này vẫn đang được thi hành. Công ty được Cục Thuế cho phép sử dụng hóa đơn theo từng lần phát sinh.

Trong năm 2019, Công ty đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần chứng khoán FPT - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện tư vấn chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn từ 40 tỷ lên 62 tỷ. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, các thủ tục thực hiện tăng vốn vẫn đang trong quá trình thực hiện và chưa được hoàn tất.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm**

Ông Nguyễn Văn Quang	Chủ tịch hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 01/08/2020
Ông Phan Cao Viên	Chủ tịch hội đồng quản trị	Miễn nhiệm ngày 01/08/2020
Ông Phan Cao Viên	Thành viên hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 01/08/2020
Ông Vũ Thế Phương	Thành viên hội đồng quản trị	
Ông Vũ Văn Việt	Thành viên hội đồng quản trị	

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm

Ông Phan Cao Viên	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phan Thị Thanh Thùy	Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm

Ông Nguyễn Văn Ngọc	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Lê Minh Thiện	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng xác nhận tính đầy đủ và hiện hữu của các khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định, công nợ phải thu phải trả tại ngày 31/12/2020 trên Báo cáo tài chính của Công ty, chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại Công ty;

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Lilama 45.4 phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty.

Đồng Nai, ngày 22 tháng 3 năm 2021

Thay mặt Hội đồng quản trị

Chủ tịch

Nguyễn Văn Quang

Đồng Nai, ngày 22 tháng 3 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Giám đốc

Phan Cao Viên





Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam
Địa chỉ: Số 3, Biệt thự 2, KĐT Pháp Vân, Hoàng Liệt,
Hoàng Mai, Hà Nội.
Tell: (+84 24) 3 7670720 * (+84 24) 3 7670721

Số: 272/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Lilama 45.4

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lilama 45.4, được lập ngày 22/3/2021, từ trang 05 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lilama 45.4 tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số IV.1 phần thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2020 tài sản ngắn hạn của Công ty nhỏ hơn nợ ngắn hạn khoảng 127,8 tỷ đồng, số lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 31/12/2020 khoảng 181,26 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2020 âm khoảng 124,2 tỷ đồng.



BÙI QUANG HỢP
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHNKT số 1796-2019-126-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2021

ĐỖ THỊ NGỌC

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHNKT số 3409-2020-126-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		112.946.041.169	123.212.243.167
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.354.772.933	2.053.871.661
1. Tiền	111		2.354.772.933	2.053.871.661
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.474.428.971	33.041.532.241
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	18.822.423.793	29.345.304.981
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.072.047.393	6.072.397.744
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	586.042.944	629.914.675
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(3.006.085.159)	(3.006.085.159)
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	88.116.839.265	88.116.839.265
1. Hàng tồn kho	141		88.116.839.265	88.116.839.265
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.604.372.124	4.035.754.666
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	57.675.441
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.3	-	57.675.441
II. Tài sản cố định	220		3.604.372.124	3.978.079.225
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	622.872.124	996.579.225
- Nguyên giá	222		23.029.785.028	23.029.785.028
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(22.406.912.904)	(22.033.205.803)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	2.981.500.000	2.981.500.000
- Nguyên giá	228		2.981.500.000	2.981.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		116.550.413.293	127.247.997.833

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		240.741.697.878	240.712.971.889
I. Nợ ngắn hạn	310		240.741.697.878	240.712.971.889
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	35.528.570.237	38.868.460.834
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	15.687.325.432	15.849.647.358
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	10.160.920.205	9.555.022.051
4. Phải trả người lao động	314		10.235.340.520	11.620.795.220
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	9.236.216.288	9.875.263.716
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		541.686.230	541.686.230
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	76.180.364.903	71.230.822.417
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	82.842.927.404	82.842.927.404
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		328.346.659	328.346.659
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(124.191.284.585)	(113.464.974.056)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	(124.191.284.585)	(113.464.974.056)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.000.000.000	40.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.520.000.000	3.520.000.000
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(282.000.000)	(282.000.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.833.254.447	11.833.254.447
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.000.893.238	2.000.893.238
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(181.263.432.270)	(170.537.121.741)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(170.537.121.741)	(159.331.226.108)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(10.726.310.529)	(11.205.895.633)
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		116.550.413.293	127.247.997.833

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Người lập biểu

Phan Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Phan Thị Thanh Thủy

Tổng Giám đốc



Phan Cao Viên

Đồng Nai, ngày 22 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	-	(1.746.602.312)
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		-	(1.746.602.312)
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	974.989.238	45.584.874.227
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(974.989.238)	(47.331.476.539)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	80.223.146	274.422
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.602.395.717	6.907.033.457
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.602.373.692	6.907.033.457
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	1.422.786.822	2.879.327.327
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(7.919.948.631)	(57.117.562.901)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	-	49.467.579.470
12. Chi phí khác	32	VI.7	2.806.361.898	3.555.912.202
13. Lợi nhuận khác	40		(2.806.361.898)	45.911.667.268
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(10.726.310.529)	(11.205.895.633)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(10.726.310.529)	(11.205.895.633)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	(2.695)	(2.816)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	(2.695)	(2.816)

Đồng Nai, ngày 22 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Phan Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Phan Thị Thanh Thủy

Tổng Giám đốc



Phan Cao Viên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: đồng	
		Năm 2020	Năm 2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	10.336.819.877	3.268.752.784
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(6.104.609.629)	(3.103.519.933)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.087.088.000)	(1.049.227.000)
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	107.612.267	237.182.760
5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.032.034.364)	(282.831.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	220.700.151	(929.642.989)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	47.755.689.950
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	80.223.146	227.289
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	80.223.146	47.755.917.239
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(45.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(45.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	300.923.297	1.826.274.250
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.053.871.661	227.550.278
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(22.025)	47.133
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.354.772.933	2.053.871.661

Người lập biểu

Phan Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Phan Thị Thanh Thủy

Đồng Nai, ngày 22 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Phan Cao Viên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Lilama 45.4 là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.4. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 3600255703 ngày 14/08/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 13/09/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp

Trụ sở chính của Công ty tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Xã lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chi tiết đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà);
- Bán buôn vật liệu xây dựng, hàng kim khí điện máy; Bán buôn thiết bị đơn lẻ, thiết bị đồng bộ, dây truyền công nghệ, thang máy, vật liệu điện, máy móc thiết bị phụ tùng cơ khí;
- Bảo trì thang máy, sửa chữa thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực, thiết bị lò hơi trung cao áp, bồn bể chứa các loại dung dịch lỏng;
- Lắp đặt thang máy; Lắp đặt thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực, thiết bị lò hơi trung cao áp, bồn bể chứa dung dịch lỏng; Lắp đặt hệ thống đường ống hạ áp, trung áp, cao áp;
- Chế tạo đường ống hạ áp, trung áp, cao áp;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Buôn bán sắt thép; Bán buôn phế liệu (trừ phế liệu độc hại, phế thải nguy hại, phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường; chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật về môi trường);
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Xây dựng lắp đặt đường dây tải điện, trạm biến áp cao thế, trung thế, hạ thế;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại (trừ xi mạ, không sản xuất tại trụ sở; chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Xây dựng nhà các loại;
- Gia công cơ khí (trừ xi mạ, không gia công tại trụ sở; chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)/.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, và các văn bản pháp lý liên quan khác theo quy định của nhà nước.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (đồng), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tại ngày 31/12/2020, tài sản ngắn hạn của Công ty nhỏ hơn nợ ngắn hạn khoảng 127,8 tỷ đồng, số lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 31/12/2020 khoảng 181,26 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2020 âm khoảng 124,2 tỷ đồng. Những yếu tố này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào Ban Tổng Giám đốc Công ty có thể thu xếp được các dòng tiền trong tương lai. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng báo cáo tài chính kèm theo của Công ty được lập trên cơ sở giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh liên tục, có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường của Công ty trong tương lai gần.

Theo biên bản thỏa thuận ngày 20/10/2017 giữa Chi nhánh Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại TP Hồ Chí Minh (DATC) và Công ty Cổ phần Lilama 45.4 thì sau khi DATC mua lại khoản nợ của Ngân hàng Đầu tư Phát triển - Chi nhánh Đồng Nai sẽ thực hiện phương án xử lý nợ.

- Thu nợ 45 tỷ đồng thời hạn 12 tháng bằng các nguồn tài chính hợp pháp, trường hợp không huy động đủ nguồn tài chính hợp pháp thì sẽ thực hiện bán thanh lý hai bất động sản là tòa nhà văn phòng Công ty và Nhà máy cơ khí chế tạo.

- Sau khi thực hiện trả nợ DATC sẽ thực hiện chuyển 22 tỷ đồng nợ phải thu thành vốn góp với tỷ lệ 1:1. Số nợ còn lại sẽ được xóa trách nhiệm trả nợ.

Căn cứ tờ trình đại hội đồng cổ đông ngày 29/6/2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Lilama 45.4 Công ty thông qua phương án tái cơ cấu tài chính Công ty với một số nội dung chính:

- Chuyển nhượng tài sản là trụ sở Công ty và nhà máy cơ khí để trả các khoản nợ, góp phần cải thiện tình hình tài chính và hoạt động của công ty.

Đến thời điểm 31/12/2020, Chi nhánh Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại TP.HCM (DATC-HCM) đã bán đấu giá tài sản trên đất gắn liền với lợi thế quyền thuê 19.899 m2 đất tại nhà máy cơ khí chế tạo của Công ty Cổ phần Lilama 45.4 tại địa chỉ số 4 đường 9A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai với mức giá 46.046.000.000 đồng; bán đấu giá các xe ô tô, xe chuyên dùng, máy, thiết bị với mức giá 5.520.000.000 đồng. DATC-HCM đã cản trừ khoản thu được từ bán đấu giá với nợ vay của Công ty Cổ phần Lilama 45.4 số tiền là 45 tỷ đồng.

- Tăng vốn điều lệ từ 40 tỷ đồng lên 62 tỷ đồng: Tăng 22 tỷ đồng, tương đương 2.200.000 cổ phần phổ thông; Đối tượng nhận mua cổ phần phát hành tăng thêm là Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) thông qua việc chuyển nợ thành vốn góp cổ phần tỷ lệ 1:1, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Trong năm 2019, Công ty đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để thực

hiện tư vấn chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn từ 40 tỷ lên 62 tỷ. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, các thủ tục thực hiện tăng vốn vẫn đang trong quá trình thực hiện và chưa được hoàn tất.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và các văn bản sửa đổi, bổ sung của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao tài sản cố định được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 - 06 năm

Công ty tuân thủ nguyên tắc kế toán khi thực hiện kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22/12/2014.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính;

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm là các chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản.
- Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh) tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra theo đúng nguyên tắc thận trọng.

Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng qui định hiện hành.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Giá trị khoản nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê còn phải trả tại thời điểm lập BCTC.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ.

Khi lập BCTC số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay, thuê tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0%.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu;

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ;

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng và khoản lãi do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí đi vay vốn và các khoản lỗ do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng và khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

17. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Nghiệp vụ với các bên liên quan được Công ty trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
1. Tiền và các khoản tương đương tiền				
- Tiền mặt	10.960.000		33.004.000	
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.343.812.933		2.020.867.661	
Cộng	2.354.772.933		2.053.871.661	
2. Phải thu khách hàng				
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	18.822.423.793		29.345.304.981	
- PASSAVANT ENERGY & ENVIRONMENT GMBH - Thủ Đức	2.736.657.573		2.736.657.573	
- Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Du lịch Công Lý	3.662.881.866		3.662.881.866	
- Ban quản lý Dự án Thủy điện Sông Bung 2	-		7.455.309.891	
- CN Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại TP. HCM	3.680.000.000		3.680.000.000	
- Các khách hàng khác	8.742.884.354		11.810.455.651	
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	925.431.768		925.431.768	
3. Phải thu khác				
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	586.042.944	204.300.777	629.914.675	204.300.777
- Phải thu khác	235.588.276	204.300.777	236.507.777	204.300.777
- Tạm ứng	350.454.668	-	393.406.898	-
b) Dài hạn			57.675.441	
- Ký quỹ, ký cược	-	-	57.675.441	-
Cộng	586.042.944	204.300.777	687.590.116	204.300.777
4. Nợ xấu				
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
- Phải thu khách hàng	2.209.874.082	-	2.209.874.082	-
- Trả trước cho người bán	591.910.300	-	591.910.300	-
- Phải thu khác	204.300.777	-	204.300.777	-
Cộng	3.006.085.159	-	3.006.085.159	-
5. Hàng tồn kho				
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	88.116.839.265	-	88.116.839.265	-
Cộng	88.116.839.265	-	88.116.839.265	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4 VÀ NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4 KIỂM TỐM VÀ LIÊM

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu kỳ	4.338.812.125	9.969.150.766	8.435.813.809	286.008.328	23.029.785.028
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	4.338.812.125	9.969.150.766	8.435.813.809	286.008.328	23.029.785.028
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	3.613.789.777	9.796.032.165	8.337.375.533	286.008.328	22.033.205.803
Số tăng trong kỳ	203.269.682	86.192.692	84.244.727	-	373.707.101
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	203.269.682	86.192.692	84.244.727	-	373.707.101
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	3.817.059.459	9.882.224.857	8.421.620.260	286.008.328	22.406.912.904
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	725.022.348	173.118.601	98.438.276	-	996.579.225
Tại ngày cuối kỳ	521.752.666	86.925.909	14.193.549	-	622.872.124

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tại 31/12/2020 để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 535.946.215 đồng.

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại 31/12/2020 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 17.996.715.693 đồng.

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	2.981.500.000	2.981.500.000
Số dư cuối kỳ	2.981.500.000	2.981.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	2.981.500.000	2.981.500.000
Tại ngày cuối kỳ	2.981.500.000	2.981.500.000

- Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Xã Lộ Hà Nội, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai.

- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình tại 31/12/2020 đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 2.981.500.000 đồng

8. Phải trả người bán

	31/12/2020	01/01/2020
a) Phải trả người bán ngắn hạn	35.528.570.237	38.868.460.834
- Cty TNHH TM DV Hương Thái	3.236.302.599	3.236.302.599
- Công ty CP TM&SX Thái Dương Anh	409.326.200	2.804.774.762
- Cty TNHH MTV Cơ Khí Chánh Hưng	2.454.827.152	2.454.827.152
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	3.510.895.217	3.510.895.217
- Các đối tượng khác	25.917.219.069	26.861.661.104
b) Phải trả người bán là các bên liên quan		
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	3.510.895.217	3.510.895.217

	31/12/2020	01/01/2020
9. Người mua trả tiền trước	15.687.325.432	15.849.647.358
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	10.850.121.849	10.850.121.849
- Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	4.365.398.316	4.365.398.316
- Các khách hàng khác	471.805.267	634.127.193
b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan		
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	10.850.121.849	10.850.121.849

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2020	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2020
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	2.556.644.538	752.695.818	1.000.000.000	2.309.340.356
Thuế thu nhập cá nhân	-	5.385.464	5.385.464	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	94.501.776	(94.501.776)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	6.903.875.737	954.353.012	6.648.900	7.851.579.849
Cộng	9.555.022.051	663.579.506	1.012.034.364	10.160.920.205

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	31/12/2020	01/01/2020
11. Chi phí phải trả		
a) Ngắn hạn		
- Chi phí Công trình Thủy điện Vĩnh Hà	8.635.611.438	8.635.611.438
- Chi phí Công trình Thủy điện Thác Mơ	504.104.850	504.104.850
- Chi phí Công trình Thủy điện Sông Bung 2	-	600.000.000
- Chi phí sửa chữa văn phòng Công ty	-	39.047.428
- Chi phí các công trình khác	96.500.000	96.500.000
Cộng	9.236.216.288	9.875.263.716

12. Phải trả khác

	31/12/2020	01/01/2020
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	311.801.607	325.160.971
Bảo hiểm xã hội	16.004.260.486	14.699.497.225
Bảo hiểm thất nghiệp	273.509.783	256.212.705
Các khoản phải trả, phải nộp khác	59.590.793.027	55.949.951.516
+ <i>Cổ tức phải trả</i>	6.766.000.000	6.766.000.000
+ <i>Nợ các đội công trình</i>	11.254.085.320	13.196.165.291
+ <i>Quỹ tình thương</i>	257.835.180	257.835.180
+ <i>Lãi vay</i>	37.417.950.980	31.815.577.288
+ <i>Tiền trợ cấp thôi việc phải trả</i>	3.350.887.000	3.350.887.000
+ <i>Phải trả khác</i>	544.034.547	563.486.757
Cộng	76.180.364.903	71.230.822.417

13. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2020	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2020
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	82.842.927.404	-	-	82.842.927.404
- Vay ngắn hạn				
Chi nhánh Công ty TNHH Mua bán				
+ nợ Việt Nam tại TP.HCM (DATC-HCM) ⁽¹⁾	81.892.927.404	-	-	81.892.927.404
+ Vay cá nhân	950.000.000	-	-	950.000.000

⁽¹⁾ Toàn bộ khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai được chuyển qua Chi nhánh Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại TP.HCM (DATC - HCM) theo Hợp đồng mua bán nợ số 87/2017/HĐMBN ngày 28/12/2017 giữa Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai và DATC - HCM; Biên bản xác nhận và chuyển giao quyền chủ nợ giữa Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai, DATC - HCM và Công ty Cổ phần Lilama 45.4 ngày 28/12/2017. Đến thời điểm 31/12/2020, DATC - HCM đã bán đấu giá Nhà máy cơ khí Lilama 45.4 với mức giá 46.046.000.000 đồng; bán đấu giá các xe ô tô, xe chuyên dùng, máy, thiết bị với mức giá 5.520.000.000 đồng. DATC - HCM đã căn trừ khoản thu được từ bán đấu giá với nợ vay của Công ty Cổ phần Lilama 45.4 số tiền là 45 tỷ đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4

Xã Lộ Hà Nội - Phường Bình Đa - TP. Biên Hòa - Đồng Nai

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

14. Vốn chủ sở hữu
a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	Đơn vị tính: đồng
Số dư đầu năm trước	40.000.000.000	3.520.000.000	(282.000.000)	2.000.893.238	(147.497.971.661)	(102.259.078.423)	
Tăng vốn năm trước	-	-	-	-	-	-	
Giảm vốn năm trước	-	-	-	-	11.205.895.633	11.205.895.633	
- <i>Lỗ trong năm trước</i>	-	-	-	-	11.205.895.633	11.205.895.633	
Số dư cuối năm trước	40.000.000.000	3.520.000.000	(282.000.000)	2.000.893.238	(158.703.867.294)	(113.464.974.056)	
Tăng vốn năm nay	-	-	-	-	-	-	
Giảm vốn năm nay	-	-	-	-	10.726.310.529	10.726.310.529	
- <i>Lỗ trong năm nay</i>	-	-	-	-	10.726.310.529	10.726.310.529	
Số dư cuối năm nay	40.000.000.000	3.520.000.000	(282.000.000)	2.000.893.238	(169.430.177.823)	(124.191.284.585)	

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4

Xa Lộ Hà Nội - Phường Bình Đa - TP. Biên Hòa - Đồng Nai

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

	31/12/2020	01/01/2020
b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu		
- Tổng Công ty lắp máy Việt Nam - CTEP	14.023.460.000	14.023.460.000
- Vốn góp của cổ đông khác	25.976.540.000	25.976.540.000
Cộng	40.000.000.000	40.000.000.000
c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức		
+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	40.000.000.000	40.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	40.000.000.000	40.000.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
d) Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.000.000	4.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>4.000.000</i>	<i>4.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	20.000	20.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>20.000</i>	<i>20.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.980.000	3.980.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.980.000</i>	<i>3.980.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu		
15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán		
a) Ngoại tệ các loại		
- USD	64,54	78,51

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2020	Năm 2019
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu		
Doanh thu hoạt động xây lắp	-	(1.746.602.312)
Cộng	-	(1.746.602.312)
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn hoạt động xây lắp	974.989.238	45.584.874.227
Cộng	974.989.238	45.584.874.227
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	80.223.146	227.289
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	47.133
Cộng	80.223.146	274.422
4. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	5.602.373.692	6.907.033.457
Lỗ chênh lệch tỷ giá	22.025	-
Cộng	5.602.395.717	6.907.033.457
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	1.155.131.544	1.827.258.566
Chi phí quản lý khác	267.655.278	1.052.068.761
Cộng	1.422.786.822	2.879.327.327

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4

Xa Lộ Hà Nội - Phường Bình Đa - TP. Biên Hòa - Đồng Nai

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

	Năm 2020	Năm 2019
6. Thu nhập khác		
Thu từ nhượng bán tài sản cố định	-	49.329.912.758
Các khoản khác	-	137.666.712
Cộng	-	49.467.579.470
7. Chi phí khác		
Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội	928.586.289	1.053.355.219
Phạt chậm nộp thuế	1.786.145.273	1.472.905.976
Các khoản khác	91.630.336	1.029.651.007
Cộng	2.806.361.898	3.555.912.202
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(10.726.310.529)	(11.205.895.633)
b) Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) LN kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
c) Lợi nhuận/(lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (=a+b)	(10.726.310.529)	(11.205.895.633)
d) Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (thực tế/tạm tính) trong kỳ (*)	-	-
e) Số lượng Cổ phiếu phổ thông tại thời điểm cuối kỳ	3.980.000	3.980.000
f) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.980.000	3.980.000
g) số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm	-	-
h) Lãi cơ bản trên cổ phiếu $\{(c-d)/f\}$	(2.695)	(2.816)
i) Lãi suy giảm trên cổ phiếu $\{(c-d)/(f+g)\}$	(2.695)	(2.816)
(*) Theo Nghị quyết họp Đại hội đồng Cổ đông số 01/2020/NQ-DHĐCĐ ngày 28/07/2020 Công ty không phân phối lợi nhuận năm 2019 do hoạt động kinh doanh đang bị lỗ. Do đó, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu không phải tính đến ảnh hưởng của việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi. Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm lãi cơ bản trên cổ phiếu.		
9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.450.000	241.901.321
Chi phí nhân công	1.756.413.681	1.827.258.566
Chi phí khấu hao tài sản cố định	373.707.101	1.411.244.033
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	186.281.681	1.394.548.133
Chi phí khác bằng tiền	69.923.597	543.113.000
Cộng	2.397.776.060	5.418.065.053



VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh trong kỳ

- Ngày 04/10/2018 Cục thuế tỉnh Đồng Nai đã ra Quyết định số 1631/QĐ-CT về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng đối với Công ty Cổ phần Lilama 45.4. Đến thời điểm hiện tại thì việc cưỡng chế này vẫn đang được thi hành. Công ty được Cục Thuế cho phép sử dụng hóa đơn theo từng lần phát sinh.

- Trong năm 2019, Công ty đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện tư vấn chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn từ 40 tỷ lên 62 tỷ. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, các thủ tục thực hiện tăng vốn vẫn đang trong quá trình thực hiện và chưa được hoàn tất.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

3. Thông tin về các bên liên quan

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

TT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả) đồng
1	Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam -CTCP	Cổ đông lớn	Phải thu khách hàng	925.431.768
			Người mua trả trước	10.850.121.849
			Phải trả người bán	3.510.895.217

Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/07/2020 Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không nhận thù lao năm 2020.

Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác

TT	Họ và tên	Chức danh	Năm 2020
1	Ông Phan Cao Viên	Tổng Giám đốc	97.908.000
2	Ông Hoàng Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	97.908.000
3	Bà Phan Thị Thanh Thủy	Kế toán trưởng	93.120.000
Cộng			288.936.000

4. Báo cáo bộ phận

Hiện tại, hoạt động của Công ty là kinh doanh trong các khu vực địa lý không có khác biệt lớn về điều kiện sản xuất kinh và loại hình kinh doanh xây lắp là chủ yếu. Do đó, không có Báo cáo bộ phận được trình bày.

5. Thông tin so sánh

Số dư đầu kỳ được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Người lập biểu

Phan Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Phan Thị Thanh Thủy

Đồng Nai, ngày 22 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc

Phan Cao Viên



Đồng Nai, ngày 12 tháng 04 năm 2021
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Tổng Giám Đốc
Phan Cao Viên